

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ VĨNH LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 18/NQ-HĐND

Vĩnh Linh, ngày 29 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Đề án Huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội,
thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ giai đoạn 2026 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ VĨNH LINH
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Vĩnh Linh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 30/12/2025 của HĐND xã Vĩnh Linh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/ĐU ngày 06/4/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Vĩnh Linh về huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 1291/TTr-UBND ngày 16/6/2026 của UBND xã Vĩnh Linh về việc thông qua Đề án Huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND xã và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án Huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương; thúc đẩy phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ; tạo chuyển biến rõ nét trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân, xây dựng xã Vĩnh Linh phát triển nhanh, bền vững và văn minh.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030 đạt 2.500 - 2.600 tỷ đồng. Huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ giai đoạn 2026 - 2030 trên 237 tỷ đồng.

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt khoảng 12 - 13%/năm. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,5 - 4,5%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 17 - 18%, khu vực dịch vụ tăng 17 - 18%.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ. Đến năm 2030 tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 24,5 - 25,5%; công nghiệp và xây dựng chiếm 31,5 - 32,5%; khu vực dịch vụ chiếm 42,5 - 43,5% trong tổng giá trị sản xuất.

- Quy hoạch và hoàn thiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng 01 cụm công nghiệp.

- Tổ chức ít nhất 01 - 02 cuộc đối thoại với doanh nghiệp, hộ kinh doanh mỗi năm.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết đúng hạn.

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2030 tăng khoảng 1,4 lần so với năm 2025, đạt từ 95 - 110 triệu đồng/người/năm.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước

- Tăng cường vai trò quản lý, điều hành của UBND xã trong triển khai thực hiện Đề án.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; 100% thủ tục hành chính giải quyết đúng hạn.

- Tăng cường đối thoại với doanh nghiệp, hộ kinh doanh để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Hằng năm tổ chức ít nhất 01 - 02 cuộc đối thoại doanh nghiệp.

2. Quy hoạch và quản lý quy hoạch; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ

2.1. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch

- Tăng cường huy động các nguồn lực đầu tư cho công tác quy hoạch. Chủ động lồng ghép các nguồn vốn để lập, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và các nhà đầu tư tham gia phát triển kết cấu hạ tầng theo quy hoạch được phê duyệt.

- Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch, kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm.

- Từng bước số hóa dữ liệu quy hoạch, đất đai và hạ tầng; ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, giám sát và cung cấp thông tin quy hoạch cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

- Thực hiện công khai quy hoạch để người dân, doanh nghiệp tiếp cận, giám sát và tham gia thực hiện; bảo đảm quy hoạch có tính khả thi, đồng bộ và phù hợp với định hướng phát triển của địa phương.

2.2. Hạ tầng giao thông

- Tập trung đầu tư nâng cấp các tuyến đường trục xã, liên thôn, đường nội đồng, cầu, cống và các công trình giao thông thiết yếu, bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các khu dân cư và vùng sản xuất.

- Tranh thủ nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động sự tham gia của doanh nghiệp và Nhân dân để đầu tư phát triển hạ tầng giao thông.

- Tăng cường đầu tư hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh dọc các tuyến đường tại khu trung tâm xã. Đồng thời thực hiện tốt công tác quản lý hành lang an toàn giao thông; thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình giao thông nhằm kéo dài tuổi thọ và bảo đảm an toàn khai thác.

2.3. Hạ tầng phục vụ sản xuất

- Quy hoạch quỹ đất phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ. Tận dụng quỹ đất chưa sử dụng của xã để bố trí sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Hình thành các điểm sản xuất tập trung phù hợp với quy hoạch.

- Đầu tư hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, kho bãi, logistics nhỏ phục vụ lưu thông hàng hóa. Riêng hệ thống kênh tưới tiêu và đường nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc các đơn vị hợp tác xã nông nghiệp đã đề xuất vào danh mục công trình đầu tư sử dụng vốn vay IFAD do Ban QLDA nông nghiệp tỉnh Quảng Trị làm Chủ đầu tư.

2.4. Hạ tầng thương mại - dịch vụ

- Nâng cấp chợ truyền thống, các điểm kinh doanh hiện có. Thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng cửa hàng tiện ích, trung tâm thương mại, điểm giới thiệu và bán sản phẩm địa phương.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong thương mại - dịch vụ. Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh ứng dụng thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá sản phẩm trên nền tảng số.

- Tăng cường liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Xây dựng các điểm thu mua, sơ chế, bảo quản nông sản; kết nối với doanh nghiệp, hợp tác xã và các kênh phân phối để mở rộng thị trường tiêu thụ.

- Nâng cao hiệu quả quản lý và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh phát triển; bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường tại các khu vực thương mại, dịch vụ.

2.5. Hạ tầng công nghệ thông tin

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng số đồng bộ, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông mở rộng mạng cáp quang, phủ sóng 4G/5G; nâng cấp trang thiết bị CNTT tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

- Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, tăng cường ứng dụng phần mềm quản lý, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến; thực hiện xử lý hồ sơ, văn bản trên môi trường điện tử.

- Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân.

- Hỗ trợ hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ sản xuất ứng dụng công nghệ số, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ dữ liệu, an toàn hệ thống thông tin; nâng cao nhận thức và kỹ năng phòng ngừa rủi ro trên môi trường mạng cho cán bộ và người dân.

3. Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

3.1. Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước

- Lồng ghép hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hỗ trợ khác. Trong đó tranh thủ tối đa các nguồn vốn từ Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026 - 2030; nguồn vốn từ Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 tỉnh Quảng Trị; nguồn vốn từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030,...

- Chủ động tranh thủ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn ngân sách xã. Dự kiến tổng nguồn vốn thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn là 203.476,804 triệu đồng, trong đó nguồn xã hưởng (60%) là 122.086,082 triệu đồng.

Dự kiến quy hoạch đấu giá quyền sử dụng đất để tạo nguồn thu trong giai đoạn 2026 - 2030 theo Phụ lục 1 đính kèm.

Với nguồn hỗ trợ ngân sách trung ương, tỉnh và nguồn thu ngân sách xã như trên cơ bản đáp ứng được nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, chỉnh trang diện mạo nông thôn trên địa bàn giai đoạn 2026 - 2030.

3.2. Đối với nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, con em quê hương và Nhân dân tham gia đầu tư, đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tăng cường công tác quản lý, giám sát, công khai, minh bạch trong huy động, quản lý và sử dụng các nguồn vốn xã hội hóa; bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

- Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư triển khai dự án. Khuyến khích các hình thức hợp tác công - tư, liên doanh, liên kết trong đầu tư hạ tầng thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa, thể thao, giáo dục, y tế và bảo vệ môi trường.

- Huy động hiệu quả nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện, nguồn tài trợ hợp pháp để đầu tư các công trình phục vụ cộng đồng. Huy động Nhân dân tham gia hiến đất, đóng góp ngày công, kinh phí xây dựng hạ tầng.

- Thực hiện lồng ghép nguồn vốn xã hội hóa với nguồn vốn ngân sách nhà nước, các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh chồng chéo, dàn trải.

4. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

- Tập trung phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp theo hướng khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế địa phương, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo việc làm tại chỗ. Ưu tiên phát triển các ngành nghề truyền thống, ngành nghề nông thôn, sản phẩm OCOP¹ và các ngành có lợi thế cạnh tranh như chế biến nông - lâm sản, chế biến gỗ rừng trồng, sản xuất viên nén gỗ, đồ mộc dân dụng, sơ chế hồ tiêu, cao su và các sản phẩm nông nghiệp địa phương. Đồng thời phát triển tiểu thủ công nghiệp, cơ khí nhỏ phục vụ sản xuất và đời sống như gia công cơ khí dân dụng, sửa chữa máy nông nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng không nung; khuyến khích hình thành các cơ sở sản xuất gắn với bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và ứng dụng công nghệ mới.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất đổi mới công nghệ, đầu tư thiết bị, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và khả năng cạnh tranh; đẩy mạnh chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu và mở rộng thị trường tiêu thụ. Khuyến khích phát triển các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa doanh nghiệp - hợp tác xã - hộ dân nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

¹ Hiện nay, trên địa bàn xã Vĩnh Linh có 05 sản phẩm được công nhận đạt chuẩn OCOP (trong đó có 03 sản phẩm 4 sao và 02 sản phẩm 3 sao). Giai đoạn 2026 - 2030 sẽ phát triển thêm các sản phẩm: Bánh quy dừa, Gạo hữu cơ, Dầu lạc nguyên chất, Mật ong nguyên chất.

- Hỗ trợ các sản phẩm OCOP công nhận lại (03 sản phẩm) và phát triển các sản phẩm OCOP mới (04 sản phẩm) theo hướng vùng nguyên liệu sản xuất có sẵn tại địa phương. Hỗ trợ các cơ sở sản xuất đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô.

- Khai thác hiệu quả quỹ đất chưa sử dụng² để mở rộng không gian phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; ưu tiên quy hoạch và đầu tư hoàn thiện hạ tầng 01 cụm công nghiệp tại khu vực thôn Quảng Xá với diện tích 32,7 ha theo hướng đồng bộ về giao thông, điện, cấp thoát nước, viễn thông và xử lý môi trường. Chủ động chuẩn bị quỹ đất sạch, tạo điều kiện thuận lợi thu hút các dự án sản xuất có công nghệ phù hợp, sử dụng hiệu quả tài nguyên đất và tạo nhiều việc làm cho lao động địa phương.

- Đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao chất lượng cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng. Tăng cường xúc tiến đầu tư, chủ động kết nối với doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; phối hợp thu hút các dự án thứ cấp đầu tư vào Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá³, tạo động lực lan tỏa phát triển công nghiệp, thương mại - dịch vụ trên địa bàn.

5. Phát triển thương mại - dịch vụ; mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả hoạt động chợ

- Phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng hiện đại, đa dạng, gắn với nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân và phục vụ sản xuất trên địa bàn. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng và sản phẩm có lợi thế của địa phương; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng, bao bì và kết nối cung - cầu nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với hệ thống phân phối hiện đại, siêu thị, chuỗi cửa hàng và các nền tảng thương mại điện tử để tiêu thụ sản phẩm ổn định, nâng cao giá trị hàng hóa địa phương. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ số trong quản lý kinh doanh, thanh toán điện tử, quảng bá trực tuyến và phát triển các mô hình thương mại số tại khu vực nông thôn.

- Khuyến khích phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống như logistics quy mô nhỏ, dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận tải, tài chính, sửa chữa, dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp và dịch vụ phục vụ đô thị. Tạo điều kiện thuận lợi cho hộ kinh doanh, doanh nghiệp mở rộng đầu tư; từng bước nâng cao tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế địa phương.

² Khả năng mở rộng sản xuất tương đối thuận lợi nhờ quỹ đất chưa sử dụng còn khoảng 317,28 ha, diện tích này phù hợp để bố trí sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

³ KCN Tây Bắc Hồ Xá với quy mô 214,77 ha, tổng mức đầu tư 1.250 tỷ đồng đang trong giai đoạn thu hút nhà đầu tư, hứa hẹn tạo thêm hàng nghìn việc làm và mở rộng quy mô sản xuất công nghiệp đáng kể.

- Tập trung nâng cấp, cải tạo và khai thác hiệu quả hệ thống chợ truyền thống theo hướng văn minh, an toàn và đáp ứng nhu cầu giao thương. Ưu tiên đầu tư nâng cấp chợ Hồ Xá 3; cải tạo, sửa chữa chợ Hồ Xá 1, chợ Hồ Xá 2 và chợ Vĩnh Cháp; bố trí hợp lý mặt bằng kinh doanh cho tiểu thương, đồng thời tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và chuyển đổi số trong quản lý chợ; từng bước triển khai thanh toán không dùng tiền mặt và xây dựng môi trường kinh doanh hiện đại.

IV. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên huy động nguồn lực giai đoạn 2026 - 2030 theo danh mục Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 được duyệt và danh mục dự án các Chương trình mục tiêu quốc gia, các danh mục công trình, dự án khác trên địa bàn. Trong đó đảm bảo các nguyên tắc ưu tiên như sau:

- Việc lựa chọn chương trình, dự án phải bám sát quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết, đề án của cấp trên và địa phương. Ưu tiên các nội dung góp phần thực hiện mục tiêu phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ giai đoạn 2026 - 2030.

- Danh mục dự án phải căn cứ tình hình thực tế của địa phương, tập trung giải quyết những khó khăn, điểm nghẽn về hạ tầng, sản xuất, thương mại - dịch vụ và đời sống dân sinh. Ưu tiên các công trình có nhu cầu cấp thiết, phục vụ trực tiếp người dân.

- Nguồn lực huy động cần tập trung cho các công trình, dự án quan trọng, tránh đầu tư dàn trải, manh mún. Việc xác định ưu tiên phải dựa trên mức độ tác động và khả năng tạo chuyển biến rõ nét trong phát triển địa phương.

- Lựa chọn các dự án có khả năng thúc đẩy tăng trưởng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và thu hút thêm nguồn lực đầu tư. Khuyến khích các dự án tạo động lực phát triển cho nhiều lĩnh vực và khu vực.

- Danh mục đưa vào phải phù hợp khả năng huy động vốn, quỹ đất và điều kiện tổ chức thực hiện. Ưu tiên các dự án có cơ sở triển khai, có khả năng hoàn thành trong giai đoạn 2026 - 2030.

- Việc lựa chọn, sắp xếp thứ tự ưu tiên phải dựa trên tiêu chí rõ ràng, khách quan và công khai. Đồng thời bảo đảm sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, tránh thất thoát và lãng phí.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí: 237.195,088 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ (bao gồm cả các Chương trình MTQG, vốn vay IFAD để thực hiện các công trình nông nghiệp và PTNT trên địa bàn xã): 198.450,000 triệu đồng.

- Ngân sách xã: 37.942,238 triệu đồng.

- Nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác: 802,850 triệu đồng.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

- Đúng mục đích, đúng quy định pháp luật.
- Công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.
- Ưu tiên các công trình trọng điểm, cấp thiết, có tác động lan tỏa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND xã phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được HĐND xã Vĩnh Linh khoá II, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 29/6/2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT HĐND; Lãnh đạo UBND tỉnh;
- TT Đảng ủy xã;
- BTT UBMTTQVN xã;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc UBND xã;
- Ban điều hành các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Trần Nhật Quang